

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Clever Group kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 với nội dung như sau:

I. THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2023

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm – Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần có quyền biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Bạch Dương	Giám đốc	28/07/2020 – 30/6/2023	0	0,00
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc	30/6/2023		
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc	01/01/2013 – 30/6/2023	194.381	0,91
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc CN Hồ Chí Minh	14/01/2010	194.821	0,91
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc CN Đà Nẵng	23/05/2012	58.169	0,27

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ đạt kế hoạch
Doanh thu Công ty mẹ	459.223	326.188	-29%	470.000	69%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	35.404	18.548	-48%	38.000	49%
Doanh thu hợp nhất	536.832	411.871	-23%	570.000	72%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	52.683	22.242	-58%	56.000	40%

Trong 9 tháng đầu năm 2023, do các ảnh hưởng từ sau đại dịch và khó khăn chung từ nền kinh tế, một số khách hàng lớn của Công ty phải ngừng hẳn việc thực hiện hợp đồng để cắt giảm ngân sách cho hoạt động marketing. Khách hàng từ các nhóm ngành bất động sản, FMCG, bảo hiểm... do gặp khó khăn kéo dài từ thị trường cũng giảm dần chi tiêu quảng cáo để thắt chặt và tiết kiệm chi phí. Điều này đã làm cho doanh thu của Công ty trong 9 tháng đầu năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoài. Đứng trước khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đã yêu cầu đánh giá lại

tình hình thị trường, các vấn đề khách quan, những áp lực đã, đang, và sẽ xảy đến cho Công ty. Qua đó, điều chỉnh định hướng và thực hiện những hành động phù hợp nhất với điều kiện trước mắt, nhằm bảo vệ sự ổn định cho Công ty trước sự biến động của thị trường cũng như những hệ lụy từ nền kinh tế ảnh hưởng sâu và rộng hơn.

Trước những nỗ lực bền bỉ, đúng đắn và hiệu quả, doanh thu từ kinh doanh của Công ty tại Quý 4 đã có khởi sắc và tăng đáng kể so với giai đoạn trước (doanh thu quý 4/2023 đạt 115,5 tỷ, tăng hơn 55% so với tổng doanh thu 9 tháng năm 2023). Tuy nhiên tổng thể, doanh thu năm 2023 của công ty mẹ và hợp nhất vẫn giảm lần lượt là 29% và 23% so với năm 2022. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 của công ty mẹ cũng giảm 32% và hợp nhất giảm 39% so với cùng kỳ của năm trước.

Bên cạnh đó, các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn phải duy trì và tăng so với năm trước. Những điều này đã dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2023 giảm so với năm 2022 và không đạt được kế hoạch kinh doanh theo phê duyệt của ĐHCĐ thường niên năm 2023.

2. Các khoản đầu tư năm 2023

2.1. Tình hình các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Đầu tư tài chính ngắn hạn	137.790.000.000	158.790.000.000
1.1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	137.790.000.000	158.790.000.000
2	Đầu tư tài chính dài hạn	119.274.683.889	127.563.137.090
2.1	Đầu tư vào Công ty con	49.676.039.000	-
2.2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.219.693.080	11.684.761.645
2.3	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-14.121.089.769	-
2.4	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.500.041.578	115.878.375.445
Tổng đầu tư (1) + (2)		257.064.683.889	286.353.137.090

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty cổ phần Clever Group đã được kiểm toán

III. Tình hình tài chính năm 2023 (trên cơ sở báo cáo hợp nhất)

1. Tổng quan

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	409.722.656.773	449.894.141.551	9,80%
Vốn chủ sở hữu	324.724.588.325	346.169.017.935	6,60%
Doanh thu thuần	536.831.515.880	411.871.183.400	-23,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.171.364.881	31.329.763.574	-48,78%
Lợi nhuận khác	4.350.714.337	-1.109.217.601	-125,50%
Lợi nhuận trước thuế	65.522.079.218	30.220.545.973	-53,88%
Lợi nhuận sau thuế	52.682.672.025	22.242.445.322	-57,78%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần Clever Group đã được kiểm toán

2. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Thay đổi
I	Tài sản ngắn hạn	249.663.496.891	264.500.307.724	5,94%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	34.814.577.683	32.498.173.579	-6,65%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.833.906.277	158.790.000.000	65,69%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	115.759.899.266	70.087.089.711	-39,45%
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-357.629.671	-357.629.671	0,00%
5	Hàng tồn kho	1.401.933.598	2.009.453.522	43,33%
6	Tài sản ngắn hạn khác	1.853.180.067	1.115.590.912	-39,80%
7	Chi phí trả trước ngắn hạn	569.772.997	518.254.896	-9,04%
II	Tài sản dài hạn	160.059.159.882	185.393.833.826	15,83%
1	Các khoản phải thu dài hạn	40.078.700.000	5.299.769.291	-86,78%
2	Tài sản cố định	10.294.354.857	8.389.283.110	-18,51%
3	Bất động sản đầu tư	4.917.774.635	43.883.603.675	792,35%
4	Đầu tư tài chính dài hạn	102.822.045.147	127.563.137.090	24,06%
5	Tài sản dài hạn khác	306.888.357	217.824.661	-29,02%
Tổng tài sản		409.722.656.773	449.894.141.551	9,80%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần Clever Group đã được kiểm toán

Trong năm 2023, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn (nợ khó đòi), Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

3. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Thay đổi
I	Nợ ngắn hạn	82.180.916.257	100.784.993.780	22,64%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	33.271.176.074	25.057.268.854	-24,69%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.440.505.000	7.829.333.562	43,91%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.726.307.184	13.187.456.591	-16,14%
4	Phải trả người lao động	2.234.113.525	2.617.041.631	17,14%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	179.130.390	4.862.068.389	2614,26%
6	Phải trả ngắn hạn khác	811.363.694	923.578.375	13,83%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Thay đổi
7	Vay và nợ thuê tài chính	24.518.320.389	46.308.246.378	88,87%
II	Nợ dài hạn	2.817.152.191	2.940.129.836	4,37%
1	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.817.152.,191	2.940.129.836	4,37%
	Tổng	84.998.068.448	103.725.123.616	22,03%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 và năm 2023 của Công ty cổ phần Clever Group đã được kiểm toán

Các khoản vay của công ty đều là khoản vay ngắn hạn với lãi suất thấp. Do vậy, sự biến động của lãi vay cũng không làm ảnh hưởng đáng kể đến chi phí tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	3,038	2,624	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	3,021	2,604	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,207	0,231	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,262	0,300	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	107,597	195,689	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	1,249	0,958	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,098	0,054	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,162	0,064	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,129	0,049	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,114	0,076	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 và 2023 của Công ty cổ phần Clever Group đã được kiểm toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như phải trả người bán, người mua trả tiền trước, các khoản còn phải trả cho người lao động hay Thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.

5. Phân tích cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu quảng cáo trên kênh tìm kiếm	171.767.650.307	32,00%	87.027.303.717	21,13%
Doanh thu quảng cáo trên mạng xã hội	191.111.667.468	35,60%	181.434.302.375	44,05%
Doanh thu quảng cáo hiển thị	87.035.499.168	16,21%	43.663.946.797	10,60%
Doanh thu quảng cáo khác	86.916.698.937	16,19%	99.745.630.511	24,22%
Tổng	536.831.515.880	100,00%	411.871.183.405	100,00%

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp quảng cáo trên kênh tìm kiếm	25.143.978.053	27,14%	15.703.550.084	20,11%
Lợi nhuận gộp quảng cáo trên mạng xã hội	30.085.093.138	32,47%	27.526.400.211	35,25%
Lợi nhuận gộp quảng cáo hiển thị	12.740.575.289	13,75%	7.878.894.854	10,09%
Lợi nhuận gộp quảng cáo khác	24.678.696.512	26,64%	26.976.588.990	34,55%
Tổng	92.648.342.991	100,00%	78.085.434.139	100,00%

Nguồn: Công ty cổ phần Clever Group

6. Tình hình nhân sự

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 171 người (tại ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 189 người)

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Ban Giám đốc và bộ phận Hành chính – Nhân sự, Kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho người lao động đúng hạn.

Công ty đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế độ thai sản, nghỉ lễ tết, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi,... và các

văn bản pháp luật khác để người lao động có thể yên tâm làm việc. Công ty thực hiện mua thêm bảo hiểm sức khỏe cho các nhân viên đáp ứng điều kiện mua và người thân của nhân viên đó.

Vấn đề an toàn lao động được Ban Giám đốc đặc biệt quan tâm. Cán bộ, nhân viên của Công ty phải định kỳ tham gia tập huấn phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.

III. Kế hoạch phát triển năm 2024

- Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng trưởng dự kiến
Doanh thu Công ty mẹ	326.188	405.000	24,2%
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	18.548	30.400	63,9%
Doanh thu hợp nhất	411.871	590.000	43,2%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	22.242	53.440	140,3%

- Trong năm 2024, Ban Giám đốc Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc lại các chi nhánh của Công ty để đảm bảo hiệu suất hoạt động kinh doanh của các chi nhánh ở mức tốt nhất và đạt chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu theo kế hoạch đề ra.
- Tăng cường nghiên cứu để phát triển, tối ưu sản phẩm mũi nhọn của Công ty; liên kết chặt chẽ và hỗ trợ các công ty con để cùng tạo ra hệ sinh thái dịch vụ đa dạng, phong phú, mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng mới, thị trường mới.
- Ban Giám đốc tiếp tục tìm kiếm các nguồn doanh thu mới; xây dựng và cho ra mắt các sản phẩm quảng cáo mới; triển khai dự án kinh doanh mới cung cấp giải pháp B2B.
- Đánh giá và hạn chế các khoản đầu tư rủi ro cao để đảm bảo hiệu quả của hoạt động đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2023, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT./.



TM. BAN GIÁM ĐỐC
Giám đốc

ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN